

Bản án số: 49/2021/HS-ST
Ngày 09 – 8 – 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Bình.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Minh, ông Võ Hoàng, ông Trần Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Việt Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cường – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2021/TLST – HS ngày 23 tháng 2 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2021/QĐXXST – HS ngày 14 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Mai Thị Kiều D**, sinh ngày 08/10/1990 tại Gia Lai; Nơi ĐKHTTT: thôn 1, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Con ông Mai Ngọc T1, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1968; gia đình có 04 chị em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Có chồng là Trần Viết T1, sinh năm 1989; Có 01 con sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 30/4/2020 bị bắt theo quyết định truy nã, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

-Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Ngô Đức N1 – Luật sư của Văn phòng luật sư Ngô Đức N1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người bị hại:

1. Chị Hầu T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 520 Hùng Vương, phường P1, TP. P, Gia Lai. Có mặt.

2. Chị Trần Thị PH, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Hẻm 112 Phan Đình Phùng, Phường T, TP. P, Gia Lai. Có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 33 Lê Quang Định, tổ 1, phường Y, Tp. P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

4. Chị Lê Thị Cẩm G, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Hẻm 196 Lê Thánh Tôn, phường I, TP. P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

5. Chị Đặng Thị TH, sinh năm 1981.

Địa chỉ: số nhà 36D đường Phan Đình Phùng, thành phố P, Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Phan Văn Tr2, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 46A Hoàng Văn Thụ, Phường T, TP. P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Chị Phạm Thị Q2, sinh năm 1993. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

3. Anh V2, sinh năm 1993. Có mặt.

Địa chỉ: 18/191 Nguyễn Tất Thành, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

4. Chị N2, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 28/12 Lương Thế Vinh, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

5. Anh T2, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 310 Nguyễn Văn Cừ, phường H1, Quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

a. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào tháng 11/2018, Mai Thị Kiều D có rủ Phạm Thị Q2 cùng nhau góp vốn kinh doanh, mua bán rượu ghè trong đợt lễ hội Festivan công cộng tổ chức tại TP.P. Sau đó, kể từ tháng 02/2019 D không còn kinh doanh rượu ghè nhưng D vẫn đưa ra thông tin gian dối, nói với các chị Q2, H và Đặng Thị TH là đang kinh doanh rượu ghè có lợi nhuận cao (mỗi ghè có giá trị khoảng 270.000đồng, lời được 50.000đồng), hiện nay có nhiều đơn hàng rượu ghè số lượng lớn nên cần tiền để mua bán, nếu Q2, T, TH có tiền thì góp với D hoặc giới thiệu cho người quen tham gia góp tiền để mua bán kiếm lời. Nghe D nói vậy các chị Q2, T, TH tin tưởng là thật nên đã góp tiền cho D để cùng kinh doanh mua bán rượu ghè kiếm lời. Đồng thời, chị Q2 còn giới thiệu cho chị Trần Thị PH, Nguyễn Thị Thu H và Lê Thị Cẩm G (là bạn của chị Q2) tham gia góp tiền cho D để kinh doanh rượu ghè, nghe chị Q2 giới thiệu các chị PH, H và G cũng tin là thật nên đã tham gia góp tiền để kinh doanh rượu ghè với D. Từ tháng 02/2019, bằng đoạn gian dối nêu trên, D đã nhận được tiền của nhiều người, nhưng D không kinh doanh buôn bán rượu ghè mà sử dụng tiền của người này để trả tiền gốc cho người kia và trả tiền lợi nhuận cho chính họ để tạo niềm tin và không bị phát hiện hành vi gian dối của D, số tiền còn lại D sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Đến tháng 06/2019, do D không còn khả năng vay tiền để xoay vòng trả tiền lời và tiền vốn góp cho các chị PH, H, G và Q2 thì các cá nhân trên đã hỏi D để lấy lại tiền vốn góp thì D cứ khất nợ mà không trả. Các chị PH, H, G và Q2 liên tục đòi

lại số tiền vốn đã góp nên ngày 18/6/2019 D viết giấy mượn tiền đưa cho các chị PH, H, G và Q2 để làm tin và khất nợ nhưng sau đó D chiếm đoạt không trả và bỏ trốn đi khỏi địa phương. Cụ thể như sau:

2.1- Hành vi chiếm đoạt của chị Hậu T số tiền 762.000.000đồng:

Mai Thị Kiều D và Hậu T cùng tham gia uống sữa Herbalife nên quen biết nhau, D có nói với chị T là D đang kinh doanh mua bán rượu ghè để bỏ sỉ đi các tỉnh thành trong cả nước và rủ chị T cùng góp vốn để kinh doanh, nhưng thực tế lúc đó D không còn kinh doanh rượu ghè. Tin lời D nên từ ngày 18/02/2019 đến ngày 02/7/2019 chị T đã 09 lần giao tiền cho D, cụ thể: Ngày 18/02/2019, đưa D 100.000.000 đồng; Ngày 14/3/2019, đưa D 1.000.000.000 đồng; Ngày 19/3/2019 đưa D 700.000.000 ồng; Ngày 29/3/2019 đưa D 700.000.000đồng; Ngày 10/4/2019 đưa D 700.000.000đồng; Ngày 17/4/2019 đưa D 200.000.000đồng; Ngày 24/4/2019 đưa D 1.000.000.000đồng; Ngày 25/4/2019 đưa D 700.000.000 đồng; Ngày 02/7/2019 đưa D 200.000.000đồng. Tổng cộng chị Hậu T đã đưa cho D số tiền 5.300.000.000 đồng (năm tỷ ba trăm triệu đồng). Để tạo niềm tin với chị T, trong thời gian đầu D nhận tiền rồi trả tiền vốn góp và tiền lời đầy đủ, D đã trả lại cho chị T tổng cộng số tiền là 4.538.000.000 đồng (bốn tỷ năm trăm ba mươi tám triệu đồng), sau đó D không trả nữa và bỏ trốn đi khỏi địa phương. D đã chiếm đoạt của chị T số tiền **762.000.000đồng** để tiêu xài cá nhân.

2.2- vi chiếm đoạt của chị Trần Thị PH số tiền 1.281.500.000đồng:

Khi chị Phạm Thị Q2 nghe D nói: “Hiện nay có nhiều đơn hàng rượu ghè số lượng lớn nên cần tiền để mua bán, có tiền thì góp với D hoặc giới thiệu cho người quen tham gia góp tiền để mua bán kiếm lời”, nghe D nói vậy Q2 tin và tưởng là thật nên đã giới thiệu cho chị Trần Thị PH góp tiền cùng D kinh doanh mua bán rượu ghè. Chị PH được Q2 giới thiệu là D kinh doanh mua bán rượu ghè có lợi nhuận cao và rủ góp tiền cho D kinh doanh mua bán rượu ghè để lấy lời, nghe Q2 giới thiệu chị PH tin tưởng nên đồng ý góp tiền cho D. Từ ngày 26/02/2019 đến ngày 06/6/2019, chị PH và anh Phan Văn Tr2 (chồng chị PH) đã 06 lần đưa tiền cho D để góp vốn kinh doanh rượu ghè, cụ thể: Ngày 26/2/2019, chuyển cho D 300.000.000đồng; Ngày 25/3/2019 chuyển cho D 577.500.000đồng; Ngày 20/5/2019 chuyển cho D 600.000.000đồng; Ngày 06/6/2019 chuyển cho D 100.000.000đồng; Ngoài ra, 01 lần đưa 74.000.000đồng và 01 lần đưa D 222.000.000đồng nhưng không nhớ ngày. Tổng cộng chị Phương đã đưa cho D số tiền 1.873.500.000đồng (một tỷ tám trăm bảy ba triệu năm trăm nghìn đồng). Để tạo niềm tin với chị PH, trong thời gian đầu D nhận tiền rồi trả tiền lời đầy đủ, tổng số tiền D đã đưa lại cho chị PH là 592.000.000đ (năm trăm chín mươi hai triệu đồng), sau đó không trả nữa nên chị PH yêu cầu lấy lại vốn góp thì ngày 18/6/2019 D viết giấy mượn tiền của chị PH với số tiền 1.744.500.000 đồng (một tỷ bảy trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) để làm tin nhưng sau đó vẫn không trả mà bỏ trốn đi khỏi địa phương. Sau khi hai bên đối chiếu, xác định thực tế D đã chiếm đoạt của chị PH số tiền **1.281.500.000đ (một tỷ hai trăm tám mươi một triệu năm trăm nghìn đồng)** để tiêu xài cá nhân.

2.3-Hành vi chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 495.000.000đồng:

Cũng do tin tưởng lời D nói nên chị Q2 tiếp tục giới thiệu cho chị Nguyễn Thị Thu H là D kinh doanh mua bán rượu ghè có lợi nhuận cao, đang cần người góp tiền để kinh doanh và rủ chị H góp tiền cho D để mua bán rượu ghè lấy lời. Nghe Q2 giới thiệu chị H

tin, tưởng là thật nên đồng ý. Ngày 03/4/2019 chị H đã nhờ bố là Nguyễn Văn Hóa chuyển vào tài khoản của D số tiền 300.000.000đồng và ngày 16/5/2019 H nhờ em gái là Nguyễn Thị Thảo Trang chuyển vào tài khoản của D số tiền 300.000.000 đồng để góp vốn kinh doanh mua bán rượu ghè, tổng cộng chị H đã đưa cho D số tiền là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) và D đã 05 lần đưa lại cho chị H với tổng số tiền 105.000.000đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng) nói là tiền lời. Sau đó, D không đưa tiền lợi nhuận nữa nên chị H yêu cầu D trả lại tiền góp vốn thì D cứ hứa hẹn và đến ngày 18/6/2019 D viết giấy mượn tiền của chị H với số tiền 600.000.000đồng (sáu trăm triệu đồng) để làm tin, nhưng sau đó D không trả mà bỏ trốn đi khỏi địa phương. Sau khi hai bên đối chiếu, xác định thực tế **D đã chiếm đoạt của chị H số tiền 495.000.000đ (bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng)** tiêu xài cá nhân.

2.4-Hành vi chiếm đoạt của chị Lê Thị Cẩm G số tiền 520.100.000đồng:

Cũng như trường hợp của chị PH và chị H, Phạm Thị Q2 giới thiệu cho cho Lê Thị Cẩm G là D kinh doanh rượu ghè có lợi nhuận cao và rủ cùng tham gia góp vốn để kinh doanh rượu ghè với D để lấy lời, chị G tưởng là thật nên đồng ý. Ngày 16/5/2019, chị G đã chuyển cho D 300.000.000đồng. Sau đó, D đã đưa cho chị Q2 30.000.000 đồng nhờ Q2 đưa cho chị G nói là tiền lời. Đến ngày 06/6/2019, D trực tiếp nói với chị G góp thêm số tiền 300.000.000đồng để D mua rượu ghè đi bán cho khách hàng, khoảng 4 đến 5 ngày là về trả tiền gốc và lãi. Chị G tin tưởng là thật, nên ngày 07/6/2019 tiếp tục chuyển cho D 300.000.000 đồng. Khi đến thời hạn D không trả, chị G đòi thì D cứ hẹn nhưng không trả, đến ngày 18/6/2019 D viết giấy mượn tiền của chị G với số tiền 600.000.000đồng (sáu trăm triệu đồng) để làm tin. Ngày 19/6/2019 D trả cho chị G 49.900.000đồng, từ đó đến nay không trả số tiền còn lại và bỏ trốn đi khỏi địa phương. Sau khi hai bên đối chiếu, xác định thực tế D đã chiếm đoạt của chị G số tiền **520.100.000đ (Năm trăm hai mươi triệu, một trăm nghìn đồng)** tiêu xài cá nhân.

2.5- Hành vi chiếm đoạt của chị Đặng Thị TH số tiền 250.000.000đồng:

Mai Thị Kiều D quen biết với chị Đặng Thị TH, trong quá trình gặp nhau D có giới thiệu là D kinh doanh rượu ghè có lợi nhuận cao và nhiều lần D rủ chị TH cùng góp tiền để kinh doanh rượu ghè lấy lời. Chị TH tin tưởng nên ngày 27/6/2019 đã chuyển vào tài khoản của D số tiền 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng) để góp vốn cùng với D kinh doanh rượu ghè. Sau khi nhận được tiền khoảng 03 ngày sau D đưa lại cho chị Thảo số tiền 30.000.000đ nói là tiền lời, sau đó D không trả tiền cho chị TH nữa mà bỏ trốn đi khỏi địa phương. D đã chiếm đoạt của chị TH số tiền **250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng)** tiêu xài cá nhân.

Qua giám định chữ viết, chữ ký trên các giấy vay mượn tiền (sau khi các bị hại chuyển tiền cho D, qua một thời gian D không trả lợi nhuận nên các bị hại yêu cầu rút vốn thì D viết giấy mượn tiền để xác định lại số tiền còn nợ của các bị hại) do các bị hại cung cấp, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên “Mai Thị Kiều D” dưới mục “Người mượn tiền” trên các giấy mượn tiền (mẫu cần giám định) so với chữ ký, chữ viết của Mai Thị Kiều D trên các mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Sau khi bỏ trốn, Mai Thị Kiều D đã đi đến TP.Đà Nẵng sinh sống, ngày 30/4/2020 thì bị bắt theo Quyết định truy nã.

Tại Cơ quan điều tra, Mai Thị Kiều D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

*** Về phần dân sự:**

Những người bị hại yêu cầu D phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt như sau:

- Chị Hầu T yêu cầu D hoàn trả số tiền còn lại là 762.000.000đồng
- Chị Trần Thị PH yêu cầu D hoàn trả số tiền còn lại là 1.281.500.000đ
- Chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu D hoàn trả số tiền còn lại là 495.000.000đ .
- Chị Lê Thị Cẩm G yêu cầu D hoàn trả số tiền còn lại là 520.100.000đ.
- Chị Đặng Thị TH yêu cầu D hoàn trả số tiền còn lại là 250.000.000đ

Hiện Mai Thị Kiều D chưa bồi thường khắc phục cho các bị hại.

Ngoài ra, qua điều tra xác định được: Từ cuối năm 2016 đến năm 2018, chị Phạm Thị Q2 và D sinh sống cùng khu trọ ở 18/191 Nguyễn Tất Thành, TP.P tại TP.P nên quen biết nhau, tháng 11/2018 có D rủ Q2 góp vốn để kinh doanh rượu ghè vào dịp Lễ hội văn hóa Cồng chiêng được tổ chức tại thành phố P với nhau và Q2 đồng ý. Sau đó, từ tháng 03/2019 đến ngày 07/6/2019, cũng do Q2 tin tưởng D đang kinh doanh mua bán rượu ghè nên đã góp vốn cho D với tổng số tiền là 1.137.500.000đ (một tỷ một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) và D đã trả tiền gốc và lãi cho Q2 số tiền 1.250.000.000đ (một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) nhiều hơn số tiền Q2 đã góp là 112.500.000đồng. Do vậy, D yêu cầu Q2 hoàn trả lại cho D số tiền chênh lệch là 112.500.000đồng để D khắc phục trả lại cho các bị hại, Q2 đồng ý nhưng hiện nay chưa trả.

Bản cáo trạng số 24/CTr – VKS – P1 ngày 22/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Mai Thị Kiều D về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

c. Tại phiên tòa:

**Ý kiến của bị cáo:* Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố.

** Bị hại:* Những người bị hại yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt, về tội danh và hình phạt đề nghị xét xử bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

**Người có Q2 lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Q2 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, trong đơn còn có ý kiến:*số tiền 112.500.000 đồng chị nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai là tiền chị nhận dư của bị cáo D nay chị nộp lại, chị không có ý kiến gì khác về số tiền này.

**Quan điểm luận tội của kiểm sát viên:*

- Về trách nhiệm hình sự:

Đại diện Viện kiểm sát giữ Q2 công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị kết tội bị cáo Mai Thị Kiều D về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” ;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị xử bị cáo Mai Thị Kiều D từ 14 năm đến 15 năm tù.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

+ Buộc bị cáo Mai Thị Kiều D phải trả lại tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại cụ thể như sau:

- Chị Hầu T 762.000.000đồng.
- Chị Trần Thị PH 1.281.500.000đồng.
- Chị Nguyễn Thị Thu H 495.000.000đồng.
- Chị Lê Thị Cẩm G 520.100.000đồng
- Chị Đặng Thị TH 250.000.000đồng.

+ Đối với số tiền 112.500.000đồng, Phạm Thị Q2 nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai theo biên lai số 0004259 ngày 16/4/2021, đề nghị tiếp tục bảo thủ số tiền này để đảm bảo việc thi hành phần trách nhiệm dân sự của bị cáo cho những bị hại.

- *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

* *Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo:* Thống nhất tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo; Về hình phạt thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với bị cáo là nghiêm khắc, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo: Không có ý kiến tranh luận gì.

* *Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* không có ý kiến tranh luận.

- *Lời nói sau cùng của bị cáo:* Bị cáo hối hận về tội phạm đã thực hiện, xin lỗi bị hại, xin Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q2, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, người có Q2 lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Mai Thị Kiều D khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội D cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có Q2 lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra phiên tòa. Đủ cơ sở khẳng định: Vào tháng 11/20218, nhân dịp Festival văn hoá công chiêng Tây Nguyên tổ chức tại Gia Lai, Mai Thị Kiều D và Phạm Thị Q2 góp vốn cùng nhau kinh doanh mua bán rượu ghè, đến đầu năm 2019, mặc dù D không còn kinh doanh rượu ghè nữa nhưng nghe Q2 nói có nhiều người muốn góp vốn với D để kinh doanh rượu ghè thì D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của những người này, để chiếm đoạt được tài sản D đã đưa ra thông tin gian dối là D cần vốn để kinh doanh rượu ghè với số lượng lớn, do tin tưởng lời D nói là thật nên từ tháng 2/2019 đến tháng 7/2019, những người bị hại gồm chị Hầu T, Chị Đặng Thị TH, chị Trần Thị PH, chị Nguyễn Thị Thu H, chị Lê Thị Cẩm G đã nhiều lần đưa tiền cho D để góp vốn kinh doanh rượu ghè, sau khi nhận tiền của các bị hại D đã lấy tiền của người đưa sau để trả tiền cho người đưa trước cho D, D nói dối là tiền lãi từ việc kinh doanh rượu, những bị hại tin tưởng nên tiếp tục góp tiền cho D, đến tháng 7/2019 khi D không còn khả năng trả tiền thì bỏ trốn ra Đà Nẵng, đến ngày 30/4/2020 D bị bắt theo Lệnh truy nã. Bằng thủ đoạn trên, D đã chiếm đoạt của chị T số tiền 762.000.000 đồng, chị H 495.000.000 đồng, chị PH 1.281.500.000 đồng, chị G 520.100.000 đồng, chị TH 250.000.000 đồng. Tổng số tiền D chiếm đoạt của 5 người bị hại là 3.308.600.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, bị cáo Mai Thị Kiều D đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố.

[3]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm trái phép đến Q2 sở hữu tài sản của người khác, chiếm đoạt số tiền rất lớn của các bị hại, sau khi chiếm đoạt bị cáo tẩu tán tài sản, không chỉ ra được tiền chiếm đoạt sử dụng vào việc gì, không trả lại tiền cho bị hại, gây mất trật tự trị an xã hội, bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên phạm vào tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 2 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, hành vi của bị cáo phải bị nghiêm trị để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận đầy đủ hành vi phạm tội của mình, đã tác động người có Q2 lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị Q2 trả lại số tiền mà bị cáo đưa thừa để trả cho bị hại, bị cáo có ông ngoại là người có công với nước, được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, Huy chương chiến thắng hạng nhất và Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sẽ được xem xét cho bị cáo khi lượng hình.

Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, nhân thân, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng, cần phải xử lý nghiêm khắc đối với bị

cáo, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian dài, xử bị cáo hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt trong khung mà bị cáo đã phạm là thoả đáng.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải trả lại cho những người bị hại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt.

[5]. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với 112.500.000đồng là số tiền mà bị cáo Mai Thị Kiều D đã chuyển trả thừa cho chị Phạm Thị Q2, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm chị Q2 đã tự nguyện nộp vào Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai tại biên lai số 0004259 ngày 16/4/2021, đây là tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại nên Hội đồng xét xử sẽ tuyên tiếp tục bảo thủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo đối với phần khắc phục hậu quả cho những người bị hại.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Mai Thị Kiều D phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

`-Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Mai Thị Kiều D 14 (*mười bốn*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 30/4/2020).

[2]. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 585,586,589 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Mai Thị Kiều D phải trả lại tiền cho những người bị hại, cụ thể như sau:

- Trả lại cho chị Hầu T 762.000.000đồng. (*Bảy trăm sáu mươi hai triệu đồng*)
- Trả lại cho chị Trần Thị PH 1.281.500.000đồng. (*Một tỷ hai trăm tám mươi một triệu năm trăm nghìn đồng*)
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H 495.000.000đồng. (*Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng*)
- Trả lại cho chị Lê Thị Cẩm G 520.100.000đồng (*Năm trăm hai mươi triệu một trăm nghìn đồng*)
- Trả lại cho chị Đặng Thị TH 250.000.000đồng. (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của BLDS năm 2015.

[3]. *Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bảo thủ số tiền 112.500.000đồng (*Một trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*) mà chị Phạm Thị Q2 đã nộp tại biên lai số 0004259 ngày 16/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai, để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo đối với khoản mà bị cáo phải trả lại cho những người bị hại theo tỉ lệ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại. Cụ thể:

Chị Hầu T được nhận: 26.000.000đồng. (*Hai mươi sáu triệu đồng*)

Chị Trần Thị PH được nhận: 45.500.000đồng. (*Bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*)

Chị Nguyễn Thị Thu H được nhận: 16.000.000đồng. (*Mười sáu triệu đồng*)

Chị Lê Thị Cẩm G được nhận: 17.000.000đồng. (*Mười bảy triệu đồng*).

Chị Đặng Thị TH được nhận: 8.000.000đồng. (*Tám triệu đồng*).

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 98.172.000đồng (*Chín mươi tám triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng.
- Phòng KTNV& THA của TAND tỉnh;
- Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai.
- Trại tạm giam công an tỉnh;
- Bị cáo;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Văn Bình

- Những người tham gia tổ tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 15 phút, ngày 11 tháng 3 năm 2021,
Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Minh.

Ông Dương Đình Diên

Tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự thụ lý số: 84/2020/TLST – HS ngày 19 tháng 11 năm 2020, đối với **Nguyễn Trọng**, sinh ngày 16/12/1995 tại Kon Tum; Nơi cư trú: tổ 4, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: không;

Căn cứ vào các Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, không thuộc trường hợp trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

2. Các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thu thập đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

3. Có căn cứ kết tội bị cáo: Nguyễn Trọng phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

4. Về điều luật áp dụng, hình phạt:

-Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Trọng **10** (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 23/4/2020).

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

5. Về hình phạt bổ sung: Không.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

6. Bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, không thuộc trường hợp miễn hình phạt.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

7. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trọng số tiền 420.000đồng (*Bốn trăm hai mươi nghìn đồng*).

- Tịch thu sung công quỹ: 01 điện thoại Iphone, không có sim số; 01 điện thoại di động hiệu Redmi cùng sim số.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì niêm phong có đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

7. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

8. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra Viên, kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

9. Hội đồng xét xử không kiến nghị gì.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/35.

10. Tuyên Q2 kháng cáo theo luật định.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3;

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày./.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA